TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ
Ngày 16- 5- 2023
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thảo

Các hội thẩm nhân dân*:* Ông Nguyễn Việt Tú, ông Hà Mạnh Linh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K , tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1 - Nguyên đơn: Chị N N H , sinh năm 1996

2 - Bị đơn: Anh N V T , sinh năm 1991

Đều có địa chỉ: khu C1, xã L , huyện K , tỉnh T .

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên toà không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Theo đơn khởi kiện ngày 29/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị N N H trình bày: Chị và anh N V T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 03/11/2020 tại UBND xã L , huyện K , tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố mẹ đẻ anh T tại khu C1, xã L, huyện K, tỉnh T. Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hoà thuận hạnh phúc một thời gian ngắn khoảng 01 tháng thì bắt đầu sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, vợ chồng cãi nhau, không hiểu nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2022, mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau kể từ đó đến nay, chị H sinh sống và làm ăn tại tỉnh N khi được nghỉ về nhà thì chị về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh B,

còn anh T sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại xã L, huyện K, tỉnh T. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

+ Theo biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2023 bị đơn là anh N V T trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời điểm vợ chồng sống ly thân như chị H đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị H bảo anh đi thuê nhà trọ ở ngoài và đi làm cùng chị H nhưng anh không đồng ý vì ở riêng thì vợ chồng vất vả, anh cần sự giúp đỡ của bố mẹ, anh bảo chị H ở nhà làm cùng nhưng chị H không đồng ý. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên vợ chồng ly thân từ ngày 10/3/2022 đến nay. Chị H đi làm công nhân ở N và không trở về nhà anh. Gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, chị H không đoàn tụ với anh. Nay chị H xin ly hôn nhưng anh T không đồng ý ly hôn và muốn vợ chồng đoàn tụ vì anh vẫn còn tình cảm với chị H.

- Về con chung; Về tài sản chung; Về nghĩa vụ chung về tài sản; Về công sức: Hai bên đều trình bày vợ chồng không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra hai bên không có yêu cầu gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn chị N N H đã thực hiện, chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn là anh N V T trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập đến nhiều lần để giải quyết việc chị H xin ly hôn nhưng anh T không đến Tòa án làm việc. Tại phiên toà anh T được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do là vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Đề nghị xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N N H được ly hôn anh N V T.

[2]. Về án phí: Chị N N H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị N N H, anh N V T là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình". Bị đơn anh T có nơi cư trú tại xã L, huyện, tỉnh T. Do đó việc thụ lý và giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân

dân huyện K, tỉnh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị H và anh T là phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị N N H và anh N V T đảm bảo các điều kiện kết hôn, không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: " Chị N N H là công dân của xã S, huyện B, tỉnh B, anh N V T là công dân của xã L, huyện K, tỉnh T. Chị H, anh T đăng ký kết hôn ngày 03/11/2020, sau khi kết hôn anh chị chung sống tại khu C1, xã L, huyện K, tỉnh T. Quá trình chung sống của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được thời gian ngắn sau đó sảy ra mâu thuẫn, chị H và anh T sống ly thân mỗi người một nơi. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì địa phương không biết vì anh chị không yêu cầu chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể đến hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng. Nay chị H xin ly hôn anh T đề nghị Toà án hoà giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị H vẫn cương quyết xin ly hôn anh T thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ".

Căn cứ vào thực trạng chung sống của vợ chồng Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa chị H và anh T trên thực tế không còn tồn tại, mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hoà giải nhưng chị H, anh T không khắc phục được mâu thuẫn, hiện tại chị H và anh T sống ly thân mỗi người một nơi. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn của chị H, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị H xin ly hôn anh T là phù hợp với thực trạng chung sống của vợ chồng nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Anh T xin đoàn tụ nhưng quá trình Toà án báo gọi để giải quyết việc chị H xin ly hôn thì anh đều không có mặt và anh T cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng nên việc anh T xin đoàn tụ là chưa thật tâm nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh T.

[4].Về con chung; Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Quá trình giải quyết chị H, anh T đều trình bày không có gì và không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị N N H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị N N H được ly hôn anh N V T.

[2]. Về án phí: Chị N N H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007945 ngày 24/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị N N H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao, nhận hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKS huyện K;
- Chi cục THA-DS huyện;
- UBND xã L;
- Lưu HS;
- Lưu Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Thảo

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết./.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Tú **Hà Mạnh Linh** **Đỗ Thị Thảo**

Biên bản nghị án kết thúc hồi giờ phút cùng ngày. Đã thông qua cho các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí và cùng ký tên.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Tú **Hà Mạnh Linh** **Đỗ Thị Thảo**